TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH N** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC**
SỐ:43/2024/QĐST-HNGĐ	*N, ngày 29 tháng 3 năm 2024.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 51/2024/TLST - HNGĐ ngày 29 tháng 02 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: chị Trần Tuyết M, sinh năm 2001.

Địa chỉ: thôn 4 - V, xã Th, huyện N, tỉnh N.

Bị đơn: anh Đinh Văn H, sinh năm 1996.

Địa chỉ: thôn 4 - V, xã Th, huyện N, tỉnh N.

Căn cứ vào các Điều 147, 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 7 Điều 26 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 3 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 3 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bẩy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Trần Tuyết M và anh Đinh Văn H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về việc nuôi con chung: chị Trần Tuyết M và anh Đinh Văn H thỏa thuận giao cho anh Đinh Văn H tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung là cháu Đinh Phương Th, sinh ngày 14/11/2018 và cháu

Đinh Thanh H sinh ngày 03/10/2020 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Chị Trần Tuyết M không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Đinh Văn H. Chị Trần Tuyết M có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con chung; có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

2.2 Về tài sản, công nợ chung: chị Trần Tuyết M, anh Đinh Văn H không yêu cầu giải quyết.

2.3 Về án phí: chị Trần Tuyết M nhận nộp toàn bộ án phí sơ thẩm ly hôn là 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Trần Tuyết M đã nộp theo biên lai thu số: BLTU/23/0001177, ngày 29/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N. Trả lại cho chị Trần Tuyết M 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngày sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh NB;
- VKSND tỉnh NB;
- VKSND huyện NQ;
- THADS huyện NQ;
- UBND xã Th;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP./.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hữu Quốc